TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8- 2024
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền
2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024. Giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992; đại chỉ: ấp Ngã Năm, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Bé C, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp Võ Thành Nguyên, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Bé C tự tìm hiểu quen biết được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật.

Anh và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn xảy ra cự cãi, chị C tự bỏ nhà đi, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến con cái. Anh và chị C đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhiều lần anh và chị C hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh và chị C không thể tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung anh T xác định anh và chị C có một con chung tên Nguyễn Văn Tiền, sinh ngày 24/02/2008 hiện đang sống với anh. Anh Giang yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tiền, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung anh T không yêu cầu giải quyết.

Chị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập chị C đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị C vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng theo quy định, đối với người tham gia tố tụng đó thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Tuy nhiên cũng còn một số vi phạm như: Chậm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa anh T và chị C là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn. Anh T cho rằng giữa anh và chị C chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay vì chị C sống thiếu trách nhiệm, bỏ nhà đi không quan tâm đến con cái, từ đó hạnh phúc gia đình không còn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt văn bản cho chị C, mở phiên hòa giải tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C đều vắng mặt không có ý kiến trình bày, cũng không phản đối với yêu cầu của anh T. Điều đó chứng tỏ vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân trong thời gian dài, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn chị C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh T được ly hôn chị C.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn Tiền, sinh ngày 24/02/2008 hiện đang sống cùng anh T, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Chị C không phản đối và không có ý kiến gì về yêu cầu của anh T. Cháu Tiền có nguyện vọng muốn sống với anh T nên tiếp tục giao cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu và chị C cũng không có ý kiến gì nên đề nghị không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ kiện khác

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung với chị Huỳnh Thị Bé C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị C là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T, chị C theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh T và chị C tự tìm hiểu quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh T và chị C phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được anh Txác định trong quá trình khởi kiện tại Tòa án. Riêng chị C không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng chị C không có ý kiến phản đối cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của anh T là do chị C sống thiếu trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc con cái. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn thương yêu quan tâm lẫn nhau. Hiện tại giữa anh T và chị C đã không còn chung sống vợ chồng nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của anh chị không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Và kể từ thời điểm anh T khởi kiện, mặc dù Tòa án đã triệu tập chị C để hòa giải nhưng chị vắng mặt không có thiện chí hàn gắng. Xét thấy, anh T và chị C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị C có một con chung tên Nguyễn Văn Tiền, sinh ngày 24/02/2008 hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh T là có cơ sở chấp nhận - bởi lẽ xét thấy, cháu Tiền hiện sống với anh T, các cháu vẫn phát triển bình thường. Bản thân chị C cũng không có ý kiến phản đối cho rằng anh T nuôi con không tốt nên đối với yêu cầu của anh T về việc được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con là có căn cứ. Mặc khác tại văn bản thể hiện ý kiến thì cháu Tiền có nguyện vọng sống với anh T. Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Nguyễn Văn Tiền, sinh ngày 24/02/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Do anh T, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002719 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Trần Chí Đỉnh nộp thay). Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bé C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tiền, sinh ngày 24/02/2008 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Chị Huỳnh Thị Bé C có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002719 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (do Trần Chí Đỉnh nộp thay). Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Dương Văn Hôm